

Bài báo nghiên cứu

ĐÁNH GIÁ SỨC CHỨA DU LỊCH CÁC BÃI BIỂN Ở THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI TỈNH QUẢNG BÌNH

Dương Thị Thủy^{1*}, *Nguyễn Thị Hà Thành*¹, *Trương Quang Hải*²

¹Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

²Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Dương Thị Thủy – Email: duongthithuy@hus.edu.vn

Ngày nhận bài: 20-7-2022; ngày nhận bài sửa: 02-11-2022; ngày duyệt đăng: 22-11-2022

TÓM TẮT

Cùng với sự kì vĩ của Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng và các giá trị văn hóa lịch sử đặc sắc, các bãi biển ở Đồng Hới có sức hấp dẫn lớn cho du lịch tham quan, sinh thái và nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, khách du lịch cũng tạo ra áp lực đối với tài nguyên, môi trường tại các bãi biển đẹp như Nhật Lệ, Bảo Ninh và Quang Phú. Bài báo đã sử dụng phương pháp tính sức chứa du lịch – *tourism carrying capacity* (TCC) để xác định sức chứa vật lí (PCC), sức chứa thực tế (RCC) và sức chứa hiệu quả (ECC) của 3 bãi biển này. Kết quả tính sức chứa vật lí (PCC) của ba bãi biển đạt 165.200 lượt khách/ngày, sức chứa thực tế là 56.032 lượt khách/ngày và sức chứa hiệu quả (ECC) đạt 34.107 lượt khách/ngày. Kết quả nghiên cứu là tài liệu hữu ích phục vụ công tác quy hoạch và định hướng quản lí du lịch bền vững tại các thành phố ven biển như Đồng Hới.

Từ khóa: du lịch biển; thành phố Đồng Hới; sức chứa du lịch (TCC)

1. Giới thiệu

Từ năm 1960, quan niệm về sức chứa du lịch (SCDL) đã xuất hiện và được vận dụng ngày càng nhiều nhờ góp phần giải quyết vấn đề môi trường, kinh tế, xã hội đặc biệt là sự tác động giữa du khách với tài nguyên cũng như cộng đồng (Manning et al., 1996; Lawson et al., 2003). Đồng thời, SCDL góp phần giải quyết vấn đề môi trường (Manning et al., 1996) trở thành công cụ quản lí và quy hoạch du lịch (Coccossis & Mexa, 2004). Khi quan điểm du lịch bền vững (*sustainable tourism*) được đề cập nhiều từ năm 1990 thì SCDL được coi như một công cụ quản lí du lịch hiệu quả và bền vững (Tribe et al., 2000), bởi nó cho phép bảo tồn tài nguyên, giúp công tác lập kế hoạch, quản lí du lịch và đặc biệt dễ dàng tích hợp với công cụ quản lí khác (Queiroz et al., 2014).

Sức chứa du lịch là “số lượng người tối đa có thể đến thăm một điểm du lịch tại cùng thời gian mà không gây hủy hoại môi trường vật chất, kinh tế, văn hóa xã hội cũng như

Cite this article as: Dương Thị Thủy, Nguyễn Thị Hà Thành, & Trương Quang Hải (2022). Tourism carrying capacity of beaches in Dong Hoi City, Quang Binh Province. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(11), 1854-1864.

không làm giảm chất lượng du lịch” (WTO, 2005). Do vậy, khi hoạt động du lịch vượt quá mức sẽ gây thiệt hại cho môi trường mà đặc biệt môi trường tự nhiên (Hens, 1998). Đồng thời, khi hoạt động du lịch bị vượt ngưỡng thì ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng dân cư, chất lượng dịch vụ du lịch bị giảm sút theo Chamberlin và cộng sự (1997). Trên quan điểm tổng hợp thì SCDL là ngưỡng chịu tải cao nhất của hệ thống tự nhiên, môi trường, kinh tế xã hội và xác lập thông qua khả năng chịu đựng của cơ sở vật chất, giới hạn sinh thái của môi trường và giới hạn yêu thích của du khách (Pearce, 1989).

Phương pháp tính toán SCDL được nhìn nhận dưới góc độ vật lí, sinh thái, tâm lí và cả kinh tế thể hiện trong nghiên cứu của (Cifuentes, 1992; Amador et al., 1996; Ceballos-Lascurain, 1996; Nguyen, 2000; Pham et al., 2002; Coccossis & Mexa, 2004; Tran Nghi et al., 2007; Segrado et al., 2008; Vo, 2008; Swagata Bera et al., 2015). Dưới góc độ địa lí nhân văn, sức chứa văn hóa – xã hội (socio-cultural carrying capacity) có liên quan đến các yếu tố khó định lượng. Các phương pháp nghiên cứu thường được vận dụng gồm khảo sát thực địa, điều tra xã hội học bằng thang đo Likert (Pereira da Silva, 2002; UNEP/PAP, 1997), phân tích dữ liệu bằng excel và SPSS 17.0 (Needham et al., 2008; Brandolini, 2005; Subash Joshi & Rajiv Dahal, 2019).

Biển Đông Hới hấp dẫn du khách bởi những bãi cát trắng mịn và nước biển trong xanh, là nơi có tiềm năng du lịch hấp dẫn, thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước. Tuy nhiên, áp lực du lịch lớn gây nên những rủi ro suy giảm chất lượng môi trường tự nhiên nếu không có chính sách bảo tồn hiệu quả. Do vậy, xác lập sức chứa du lịch tại 3 bãi biển Nhật Lệ, Bảo Ninh và Quang Phú trở thành công cụ phục vụ quy hoạch và định hướng quản lí môi trường hiệu quả cho du lịch thành phố Đông Hới trong tương lai.

Các nhân tố thường vận dụng trong tính toán SCDL gồm nhân tố môi trường tự nhiên như mưa lớn, gió mạnh, số ngày nắng, lốc xoáy, chất lượng bãi biển. Nhân tố môi trường xã hội là chất lượng dịch vụ du lịch, năng lực quản lí du lịch, mức độ hài lòng của du khách, cơ hội việc làm, vấn đề an toàn tại điểm du lịch... Những nhân tố xã hội thường sử dụng thang đo Likert 5 cấp để xác lập mức độ đánh giá. Tác giả Cifuentes đã sử dụng 3 chỉ số để tính SCDL gồm sức chứa vật lí (PCC - physical carrying capacity), sức chứa thực tế (RCC – real carrying capacity) và sức chứa hiệu quả (ECC - effective carrying capacity) và các chỉ số này cũng được vận dụng trong đánh giá sức chứa du lịch biển thành phố Đông Hới tỉnh Quảng Bình.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, ngoài các phương pháp phổ biến như phân tích và tổng hợp tài liệu, khảo sát thực địa thì hai phương pháp được vận dụng chính gồm điều tra xã hội học và phương pháp tính sức chứa:

- Phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi cấu trúc (Face-to-face interview with structured questionnaires): Nghiên cứu đã phỏng vấn 485 khách du lịch (trong đó 98% số

phiếu là khách nội địa) nhằm xác định được năng lực quản lý du lịch địa phương. Bộ câu hỏi được thiết kế với đánh giá theo thang đo Likert 5 mức.

- Phương pháp tính sức chứa du lịch (Carrying Capacity Method): Dựa trên công thức tính sức chứa du lịch của Cifuentes, (1992) và Ceballos-Lascurain, (1996), nghiên cứu đã vận dụng để xác định các chỉ số: 1. Sức chứa vật lý (PCC) là lượng khách du lịch tối đa có thể ở lại trong một khu vực cụ thể tại thời gian nhất định; 2. Sức chứa thực tế (RCC) là lượng khách du lịch tối đa đến điểm du lịch cụ thể, khi đã bị ảnh hưởng bởi yếu tố hiệu chỉnh (CF) bắt nguồn từ đặc điểm địa lý của khu vực; 3. Sức chứa hiệu quả (ECC) là số lượng khách du lịch tối đa mà một điểm đến có thể duy trì với năng lực quản lý (Mc) sẵn có. Chi tiết các công thức tính toán thể hiện trong mục 3.2, 3.3 và 3.4 phía dưới.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tiềm năng và hiện trạng du lịch thành phố Đồng Hới

Thành phố Đồng Hới thuộc tỉnh Quảng Bình, gồm 9 phường và 6 xã, nằm trên Quốc lộ 1A, đường sắt thống nhất Bắc Nam và đường Hồ Chí Minh nên khả năng tiếp cận cấp quốc gia và vùng đều thuận lợi. Nơi đây hấp dẫn với nhiều di tích lịch sử giá trị như Quảng Bình quan, cửa Nhật Lệ, bến đò và tượng đài Mẹ Suốt, khu giao tế tỉnh Quảng Bình, lữ y Thầy – phòng tuyến Nhật Lệ, bảo tàng Quảng Bình... mang đến tiềm năng du lịch văn hóa nổi bật. Tuy nhiên, thành phố còn đặc sắc hơn bởi sự phân hóa của địa hình Đồng Hới từ gò đồi đến đồng bằng, bãi cát ven biển, trong đó dải ven bờ kéo dài khoảng 12km về phía Đông thành tạo 3 bãi biển Nhật Lệ, Bảo Ninh, Quang Phú cùng với hồ Bàu Tró, sông Nhật Lệ thu hút du khách trải nghiệm sinh thái nghỉ dưỡng biển, sông và hồ. Tài nguyên du lịch giúp thành phố Đồng Hới đạt được những thành tựu phát triển du lịch biển nhất định về lượng khách, doanh thu và cơ sở hạ tầng du lịch.

Tốc độ tăng trưởng du khách tại các điểm đến dọc ven biển thành phố Đồng Hới liên tục tăng trong giai đoạn 2010-2019: Nếu như năm 2010 du lịch biển Đồng Hới chỉ đạt 499.321 lượt khách thì đến năm 2015 đã tăng lên 1.107.101 lượt và năm 2019 tăng đạt 1.476.100 lượt. Trong đó, khách quốc tế năm 2010 đạt 19.520 lượt và đến năm 2019 tăng lên 118.603 lượt người; khách nội địa năm 2010 đạt 479.801 lượt và tăng lên 1.348.497 lượt năm 2019 (Dong Hoi Statistical Office, 2021). Tuy nhiên, năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 kéo theo tổng lượt khách giảm 1.017.427 lượt so với năm 2019, tức chỉ đạt 458.673 lượt người. Trong đó, khách quốc tế giảm 87.168 lượt và khách việt cũng giảm 889.824 lượt người so với năm trước. Thời gian lưu trú bình quân/khách đạt 1,19 đến 1,42 ngày và gần tương đương giữa nhóm khách quốc tế với nội địa. Tỷ lệ sử dụng buồng tại thành phố không cao, trung bình từ 35% đến 43% và giảm mạnh xuống 14,85% vào năm 2020, cho nên tỷ lệ khách trong ngày chiếm tỷ trọng khá cao với 36,6%.

Mức chi tiêu bình quân/ngày của khách du lịch gia tăng đều nhưng chưa cao: Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, chi tiêu trung bình ngày/lượt khách tại thành phố Đồng Hới là 1057,6 ngàn đồng, thấp hơn bình quân của cả nước là 22,5% tương đương 307 ngàn đồng

(cụ thể chi tiêu bình quân/ngày/lượt khách của cả nước là 1364,6 ngàn đồng). Cơ cấu chi tiêu của du khách đa phần là lưu trú, ăn uống và dịch vụ vận chuyển chiếm trên 80% tổng chi phí chuyến đi.

Doanh thu của du lịch biến động tăng nhưng chưa ổn định: Tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch vào ngân sách của thành phố hàng năm chiếm từ 9,47% đến 11,77%, giá trị tăng thêm của ngành du lịch năm 2018 chiếm 13,2% trong GRDP của thành phố. Năm 2015, doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 1475 tỉ đồng, giảm xuống 1367 tỉ đồng năm 2017, sau đó tăng liên tục đến năm 2019 đạt 1613 tỉ đồng và năm 2020 do dịch Covid - 19 giảm mạnh với 1207 tỉ đồng. Trong đó, loại hình kinh tế ngoài nhà nước chiếm hơn 97%, liên tục tăng từ 1437 tỉ đồng năm 2015 lên 1591 tỉ đồng năm 2019. Bên cạnh đó, doanh thu du lịch lữ hành cũng tăng mạnh giai đoạn 2015-2019 từ 6,8 tỉ đồng lên 36,7 tỉ đồng (Dong Hoi Statistical Office, 2021).

Dịch vụ lưu trú và ăn uống: Thành phố có 222 cơ sở lưu trú, với tổng số 5235 phòng lưu trú. Trong đó có 116 khách sạn, chiếm trên 52% số lượng toàn tỉnh. Số khách sạn 5 sao có 5 cơ sở, 4 sao có 7 cơ sở (Dong Hoi Statistical Office, 2021). Hệ thống nhà hàng dịch vụ ăn uống tăng nhanh, năm 2019 trên toàn thành phố có trên 900 nhà hàng, trong đó có nhiều địa điểm ẩm thực nổi tiếng như: Everland, ven sông Nhật Lệ, dọc đường Trương Pháp, khu vực Quảng trường biển Nhật Lệ, Quang Phú, Bảo Ninh...

Đầu tư du lịch: Tổng số vốn đầu tư du lịch Đồng Hới thời gian qua khá lớn và có xu hướng tăng dần theo năm. Xét riêng dịch vụ lưu trú – ăn uống thì mức đầu tư tại thành phố Đồng Hới năm 2010 đạt 151,5 tỉ đồng, năm 2017 tăng lên 640,8 tỉ đồng, thêm 44,2 tỉ đồng sau 2 năm và đạt 795 tỉ đồng năm 2020 (Dong Hoi Statistical Office, 2021). Bên cạnh đó, nghệ thuật, vui chơi, giải trí cũng được đầu tư khoảng 11-19 tỉ đồng/năm giai đoạn 2015-2020.

Lao động du lịch: Theo báo cáo của UBND thành phố Đồng Hới, du lịch biển ở Đồng Hới phát triển đã giải quyết việc làm cho 3,68 vạn lao động trên địa bàn thành phố và các huyện lân cận của tỉnh Quảng Bình. Năm 2014 đến 2019, thành phố đã phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo nghiệp vụ du lịch cho gần 1000 lao động với tổng kinh phí lên tới hàng chục tỉ đồng. Ngoài ra, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch chủ động bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho nhân viên, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch của đơn vị.

3.2. Sức chứa vật lý (PCC – Physical carrying capacity)

Thành phố Đồng Hới có ba bãi tắm thường xuyên đón du khách tắm biển, thứ nhất là bãi Nhật Lệ rộng và kéo dài, tạo thành từ cát trắng mịn, địa hình thoải cùng nước biển trong xanh, nằm sát bên con đường trung tâm thành phố. Tiếp theo là bãi biển Quang Phú nằm nối tiếp về phía bắc bãi Nhật Lệ, với mực nước nông, cát mịn, những cồn cát trải dọc theo hàng phi lao là ưu điểm nổi bật của bãi tắm này. Thứ ba là bãi biển Bảo Ninh thuộc bán đảo Bảo Ninh nằm ở phía Đông của thành phố Đồng Hới, bãi biển hơi dốc nên hẹp ngang hơn so với bãi Nhật Lệ và Quang Phú (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích các bãi biển tại thành phố Đồng Hới

Tên bãi biển	Chiều dài (m)	Chiều rộng TB (m)	Diện tích (m ²)
Nhật Lệ	1600	180	288.000
Quang Phú	450	140	63.000
Bảo Ninh	500	124	62.000

(Quyết định về việc công nhận điểm du lịch địa phương ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình)



Hình 1. Vị trí bãi biển Nhật Lệ

Hình 2. Vị trí bãi biển Quang Phú

Hình 3. Vị trí bãi biển Bảo Ninh

Sức chứa vật lý được tính toán theo công thức: $PCC = A/Au \times Rf$

trong đó: A: Diện tích bãi biển (Available area for tourist use);

Au: Diện tích cần thiết cho mỗi du khách tắm biển (Area required per tourist), áp dụng loại bãi bình dân theo WTO năm 1981 (10m²);

Rf: Thời gian có khách tắm biển hàng ngày/thời gian trung bình một du khách lưu lại (Rotation factor), $Rf = 12 \text{ giờ}/3 \text{ giờ} = 4$.

3.3. Sức chứa thực tế (RCC – Real carrying capacity)

Sức chứa thực tế được xác định: $RCC = PCC \times (Cf1 \times Cf2 \times Cf3 \times \dots \times Cfn)$

Trong đó: Cf là hệ số điều chỉnh, bị tác động bởi yếu tố như lượng mưa, gió mùa, nắng nóng, bão và chất lượng bãi biển.

$$Cfx = 1 - Lmx/Tmx$$

Với: Cfx: Hệ số hiệu chỉnh của biến x (Correction factors of variable x);

Lmx: Giới hạn độ lớn của biến x (Limiting magnitude of variable x);

Tmx: Tổng độ lớn của biến x (Total magnitude of variable x).

Các yếu tố hiệu chỉnh rất quan trọng để ước tính giá trị sức chứa thực. Hệ số điều chỉnh được tính dựa trên điều kiện tự nhiên, môi trường, sinh thái, xã hội và chất lượng bãi biển. Du lịch biển bị chi phối bởi những yếu tố thiên nhiên như lượng mưa lớn, số ngày nắng, bão – áp thấp nhiệt đới, chất lượng bãi biển. Đây là các yếu tố có thể hạn chế hoạt động du lịch cũng như làm giảm sự hài lòng của du khách. Tính toán hệ số hiệu chỉnh cho những biến giới hạn được mô tả dưới đây.

a. Số ngày mưa lớn

Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nằm ở vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của địa hình, lại mang tính chuyển tiếp giữa khí hậu miền Bắc với miền Nam nên phân hóa rõ rệt về lượng mưa theo mùa. Trung bình lượng mưa của tỉnh cũng như

thành phố đạt 1500-2000 mm/năm (Quang Binh Statistics Office, 2022). Thời gian mưa tập trung vào các tháng IX, X, XI, XII với lượng mưa lớn, số ngày mưa nhiều và nhiệt độ hạ thấp đã hạn chế lượng du khách tắm biển.

Bảng 2. Số ngày mưa trung bình theo tháng của trạm Đồng Hới

Tháng	Số ngày mưa	Tháng	Số ngày mưa
I	14	VII	9
II	15	VIII	13
III	15	IX	17
IV	11	X	21
V	13	XI	18
VI	8	XII	17

Tổng 12 tháng: 171 ngày/năm

Nguồn: Đài khí tượng thủy văn tỉnh Quảng Bình các năm 2020-2022.

Giới hạn cường độ cho tham số này được xác định là 91 ngày. Tổng số độ lớn là số ngày trong một năm (365 ngày). Vậy hệ số hiệu chỉnh lượng mưa và nhiệt độ thấp được xác định như sau:

$$Cf1 = 1 - (171 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày}) = 0,5316.$$

b. Nắng nóng

Ánh nắng mặt trời là yếu tố quan trọng nhất đối với du lịch biển. Tại thành phố Đồng Hới mùa khô từ tháng IV đến tháng VIII với nhiệt độ trung bình 24⁰C-25⁰C, tương tự như tỉnh Quảng Bình (Quang Binh Statistics Office, 2022). Ba tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng VI, VII và VIII. Buổi trưa chủ yếu từ 11 giờ đến 15 giờ rất ít du khách muốn xuống bãi biển để tắm và giải trí. Vì vậy, ánh nắng chói chang vào mùa khô, đặc biệt những ngày chịu ảnh hưởng của gió Lào được coi như một yếu tố hạn chế đối với du lịch biển.

Giới hạn cường độ cho thông số này được xác định là 92 ngày x 4 giờ = 368 giờ nắng chói chang/năm. Tổng độ lớn được xác định bằng tổng số ngày/năm, tức là 356 ngày x 12 giờ = 4380 giờ. Do vậy, hệ số hiệu chỉnh cho ánh nắng quá mức được xác định:

$$Cf2 = 1 - (368 \text{ giờ} / 4380 \text{ giờ}) = 0,916.$$

c. Bão, áp thấp nhiệt đới

Quảng Bình nói chung và thành phố Đồng Hới nói riêng hàng năm có khoảng 0,77 cơn bão đổ bộ trực tiếp (Quang Binh Provincial Hydro-meteorological Station, 2022), có những năm không có cơn nào nhưng cũng có những năm bị liên tiếp 3-4 cơn bão. Mùa bão bắt đầu từ tháng VIII đến tháng XI mà đặc biệt là tháng IX, tháng X gây tác hại rất nghiêm trọng, nhất là gió to và mưa lớn. Độ lớn giới hạn của thông số ngày được xác định là 61 ngày. Tổng cường độ là 365 ngày và hệ số điều chỉnh của bão và áp thấp nhiệt đới:

$$Cf3 = 1 - (61 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày}) = 0,8328.$$

d. Chất lượng bãi biển

Du lịch biển với sản phẩm đặc thù như tắm biển, lặn biển, ngắm cảnh... nên chất lượng bãi biển cũng là một trong những yếu tố rất quan trọng, bởi nó ảnh hưởng tới mức độ tiện

nghi trong du lịch, sức hấp dẫn du lịch cũng như mức độ hài lòng của du khách. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa; Phân tích tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn du khách và cán bộ quản lí du lịch cho kết quả như sau:

Bảng 3. Đánh giá chất lượng bãi biển với mức độ tiện nghi cho du lịch của các bãi biển thành phố Đồng Hới

Bãi biển	Vật liệu	Độ dốc	Thủy triều/sóng	Chiều dài bãi biển	Màu của biển	Chất lượng nước	Rác thải	Tỉ lệ tiêu chí kém	Cf 6
Nhật Lệ	+	+	+	+	+	+	-	1/7	0,858
Bảo Ninh	+	+	-	+	+	+	+	1/7	0,858
Quang Phú	+	-	+	+	+	+	-	2/7	0,714

(“+” là chất lượng tốt cho DL biển; “-” là chất lượng hạn chế cho du lịch biển)

3.4. Sức chứa hiệu quả (ECC – Effective carrying capacity)

Sức chứa hiệu quả (ECC) thực hiện bằng công thức: $ECC = RCC \times Mc$

trong đó: ECC: Sức chứa hiệu quả;

RCC: Sức chứa thực tế;

Mc: Năng lực quản lí (Management capacity).

Năng lực quản lí (Mc) là tổng hợp các điều kiện phát triển phục vụ quản lí du lịch biển, tuy nhiên, tiêu chí này rất khó để lượng hóa. Cơ bản Mc được đánh giá thông qua nhận thức của du khách đến bãi biển về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, tiện nghi, pháp lí, trang thiết bị, lao động du lịch, chính sách đầu tư bằng phương pháp thực địa, điều tra xã hội học và thu thập dữ liệu.

Vệ sinh môi trường tại các điểm đến tại Đồng Hới được du khách đánh giá khá tốt: Chất lượng không khí chiếm 47,9%, mức độ yên tĩnh, không bị tiếng ồn (45,4%), chất lượng nước biển khá tốt (43,7%), lượng và chất lượng nước ngọt phục vụ sinh hoạt lần lượt là (38,0%) và (36,0%). Tỉ lệ thu gom và xử lí rác thải năm 2018 toàn thành phố đạt 91% và trên 81% đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, 100% cơ sở đăng kí bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, lượng chất thải chưa được xử lí kịp hàng ngày hiện nay khoảng 8-10% và 19% cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch chưa có hệ thống xử lí môi trường đạt tiêu chuẩn, cũng là một trong những tác nhân gây ô nhiễm môi trường và có tác động xấu tới ngành du lịch Đồng Hới.

Dịch vụ du lịch bãi biển còn tự phát và chưa đa dạng: Nhiều người dân sinh sống quanh khu vực biển Nhật Lệ, biển Bảo Ninh cho rằng họ có xu hướng ưu tiên lựa chọn nghề nghiệp liên quan đến ngành du lịch nhằm đảm bảo sinh kế hộ gia đình và tận dụng nguồn lực thiên nhiên sẵn có tại địa phương. Tuy nhiên, các dịch vụ này đa phần là tự phát, sao chép lẫn nhau và người dân thiếu kĩ năng nghề, kĩ năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài còn hạn chế. Điều này dẫn đến kết quả là thiếu sự chuyên nghiệp trong cung ứng dịch vụ. Ngày càng nhiều hộ gia đình tham gia và phát triển các dịch vụ cung cấp sản phẩm địa phương như nông, hải sản địa phương kèm các mặt hàng lưu niệm làm từ vỏ sò, ốc, trai... đánh bắt được ở biển Đồng Hới. Trong các loại hình cung cấp sản phẩm địa phương cho khách du

lich thì dịch vụ bán nông sản chiếm tỉ lệ cao nhất (18,9%), kinh doanh dịch vụ ăn uống hải sản địa phương (14%), bán quà lưu niệm chiếm tỉ lệ rất thấp (3,9%), còn lại một số loại hình dịch vụ khác.

Năng lực quản lí du lịch (Mc) của thành phố Đồng Hới được xác lập thông qua kết quả đánh giá của khách du lịch về chất lượng dịch vụ du lịch, lao động du lịch, môi trường du lịch, vấn đề tệ nạn xã hội tại điểm đến. Dựa trên thang likert 5 mức đã sử dụng phỏng vấn thì những nội dung được đánh giá ≥ 3 điểm là chất lượng tốt (+) và ngược lại thì hạn chế cho du lịch biển (-).

Bảng 4. *Đánh giá về chất lượng quản lí du lịch biển thành phố Đồng Hới*

STT	Nội dung	Đánh giá chất lượng	Tỉ lệ tiêu chí hạn chế	Mc
1.	Chất lượng nước biển	+		
2.	Chất lượng nước ngọt phục vụ sinh hoạt	-		
3.	Lượng nước ngọt phục vụ sinh hoạt	+		
4.	Chất lượng không khí	+		
5.	Mức độ yên tĩnh (không bị tiếng ồn)	+		
6.	Thu gom rác thải tại các bãi biển	-		
7.	Thu gom rác thải tại các khu vui chơi, giải trí	-		
8.	Vệ sinh môi trường tại các nhà hàng, quán ăn	+		
9.	Vệ sinh môi trường tại các điểm công cộng	-		
10.	Thùng rác công cộng tại các điểm du lịch	-		
11.	Nhà vệ sinh công cộng tại các điểm du lịch	-		
12.	Lo lắng về tệ nạn xã hội	+	9/23	0,6087
13.	Ý thức bảo vệ cảnh quan tự nhiên	+		
14.	Ý thức bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa	+		
15.	Sự đa dạng về dịch vụ vui chơi, giải trí	-		
16.	Sự đa dạng các điểm tham quan	+		
17.	Dịch vụ tại điểm tham quan	-		
18.	Dịch vụ phục vụ tắm biển	-		
19.	Loại hình lưu trú	+		
20.	Chất lượng nơi lưu trú	+		
21.	Dịch vụ ăn uống	+		
22.	An toàn vệ sinh thực phẩm	+		
23.	Thái độ phục vụ của nhân viên	+		

(“+” là chất lượng tốt cho du lịch biển; “-” là chất lượng hạn chế cho du lịch biển);

Nguồn: Kết quả xử lí số liệu điều tra đề tài KC.09.09/16-20, năm 2018.

3.5. Sức chứa du lịch các bãi biển thành phố Đồng Hới

Sức chứa du lịch (TCC) tại bãi biển được xác lập thông qua sức chứa vật lí PCC, nhưng giá trị của PCC chỉ là lí thuyết. Sức chứa thực tế (RCC) bị hiệu chỉnh bởi các yếu tố môi trường tự nhiên, tai biến thiên nhiên và sức chứa hiệu quả (ECC) phụ thuộc vào năng lực quản lí du lịch địa phương. Do vậy, kết quả tính toán sức chứa du lịch bãi biển Nhật Lệ, Quang Phú, Bảo Ninh có xu hướng giảm dần từ sức chứa vật lí đến sức chứa thực tế và cuối cùng là sức chứa hiệu quả.

Bảng 5. Sức chứa du lịch các bãi biển tại thành phố Đồng Hới

Đơn vị: Lượt khách/ngày

Bãi biển	Sức chứa vật lí (PCC)	Sức chứa thực tế (RCC)	Sức chứa hiệu quả (ECC)
Nhật Lệ	115.200	40.083	24.399
Quang Phú	25.200	8.768	5.337
Bảo Ninh	24.800	7.181	4.371
Tổng	165.200	56.032	34.107

Sức chứa vật lí cao nhất là bãi Nhật Lệ (115.200 lượt khách/ngày) bởi quy mô diện tích của bãi lớn nhất, thứ hai là bãi Quang Phú (25.200 lượt khách/ngày) và bãi biển Bảo Ninh đạt 24.800 lượt khách/ngày.

Sức chứa thực tế có xu hướng tương tự như sức chứa vật lí nhưng quy mô giảm xuống do các nhân tố hiệu chỉnh của thời tiết và chất lượng bãi biển. Kết quả lần lượt là 40.083 lượt khách/ngày với bãi Nhật Lệ, 8768 lượt khách/ngày cho bãi Quang Phú và 7181 lượt khách/ngày của bãi Bảo Ninh.

Sức chứa hiệu quả bị tác động bởi nhân tố năng lực quản lí du lịch (Mc), hệ số này đang tính chung cho cả thành phố Đồng Hới đạt 0,6087. Cho nên sức chứa hiệu quả ECC đạt 24.399 lượt khách/ngày với bãi biển Nhật Lệ, 5337 lượt khách/ngày cho bãi Quang Phú và bãi biển Bảo Ninh là 4371 lượt khách/ngày.

Như vậy, tổng sức chứa vật lí cho loại hình du lịch tắm biển thành phố Đồng Hới là 165.200 lượt khách/ngày, còn sức chứa thực tế đạt 56.032 lượt khách/ngày và ngưỡng sức chứa hiệu quả, an toàn cho khu vực là 34.107 lượt khách/ngày.

4. Kết luận

Du lịch biển là một hoạt động được thực hiện nhiều nhất ở vùng ven biển và đảo, đã có những tác động đến môi trường, xã hội, văn hóa và kinh tế. Trong tình hình hiện nay đối với quản lí tài nguyên ven biển thì xác định sức chứa du lịch (TCC) là một trong những công cụ hữu ích và được áp dụng nhiều nhất. Ngưỡng sức chứa phụ thuộc nhiều vào quy mô lãnh thổ, điều kiện thời gian, tai biến thiên nhiên, công nghệ, sở thích du khách, cơ cấu sản xuất của cộng đồng tham gia du lịch và tiêu dùng của du khách.

Kết quả tính toán sức chứa du lịch chỉ ra rằng PCC luôn lớn hơn RCC và ECC. Trong đó ECC được chấp nhận nhiều hơn so với hai loại sức tải khác, nó rất hữu ích cho việc xây dựng chính sách quản lí du lịch bãi biển. Xét về quy mô bãi Nhật Lệ lớn gấp 4,5 lần so với bãi Quang Phú và Bảo Ninh. Cho nên, sức chứa du lịch hiệu quả cao nhất tại bãi Nhật Lệ với 24.399 lượt khách/ngày, tiếp sau là 5337 lượt khách/ngày cho bãi Quang Phú và bãi Bảo Ninh đạt 4371 lượt khách/ngày. Nếu tính cho tổng thể ba bãi thì PCC đạt 165.200 lượt khách/ngày, RCC là 56.032 lượt khách/ngày và ECC đạt 34.107 lượt khách/ngày. Thực trạng du lịch biển Đồng Hới cho thấy số lượng du khách tắm biển mùa cao điểm từ tháng 4 đến tháng 7 đều nằm trong ngưỡng sức chứa thực tế.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ceballos-Lascuráin, H. (1996). *Tourism, ecotourism, and protected areas: the state of nature-based tourism around the world and guidelines for its development*. IV World Congress on National Parks and Protected Areas, IUCN, Protected Areas Programme.
- Chamberlain K. (1997). Carrying capacity. *UNEP Industry and Environment*, 1(20), 1-12.
- Cifuentes A. M. (1992). *Determinacion de Capacidad de Carga Turistica en Areas Protegidas CATIE*. Turrialba, Costa Rica.
- Coccosis, H., & Mexa, A. (2004). *The Challenge of Tourism Carrying Capacity Assessment: Theory and Practice*. Ashgate Publishing Ltd, UK.
- Department of Culture, Sports and Tourism. (2019). *Bao cao du lịch thành phố Dong Hoi, tỉnh Quang Binh [Report of Dong Hoi city tourism, Quang Binh province]*.
- Dong Hoi Statistical Office (2021). *Nien giam thong ke thanh pho Dong Hoi nam 2020 [Dong Hoi City Statistical Yearbook 2020]*.
- Hens, L. (1998). Tourism and environment, *Environmental Management in Practice*, Vol. 2. New York, 317 p.
- Lawson, S., Manning, R. E., Valliere, W. A., & Wang, B. (2003). Proactive monitoring and adaptive management of social carrying capacity in Arches National Park: an application of computer simulation modeling. *Environment Management Journal*, 68, 305-313.
- Manning, R., Lime, D., & Hof, M. (1996). Social carrying capacity of natural areas: Theory and application in the national parks. *Natural Areas Journal*, 16(2), 118-127.
- Needham, M. D., Tynon, J. F., Ceurvorst, R. L., Collins, R. L., Connor, W. M., & Culnane, M. J. W. (2008). *Recreation carrying capacity and management at Kailua beach Park on Oahu, Hawaii*. Hawaii Coral Reef Initiative research program, Oregon State University.
- Pearce, D.G. (1989). *Tourism Development*, Longman, Essex, UK.
- Pham, T. L., Hoang, H. Q, Nguyen, N. K., Nguyen, V.L., & Do, Q. T. (2002). *Du lịch sinh thái nhưng van de li luan va thuc tien phat trien o Viet Nam [Ecotourism issues of theory and practice development in Vietnam]*. Vietnam Education Publishing House Limited Company.
- Quang Binh Provincial Hydro-meteorological Station. (2022). *Ban tin du bao thoi tiet thoi han theo thang nam 2020, 2021, 2022 [Weather forecast bulletin for the month of 2020, 2021, 2022]*.
- Quang Binh Statistics Office. (2022). *Nien giam thong ke tinh Quang Binh nam 2021 [Quang Binh Statistical Yearbook 2021]*. Statistical Publishing House.
- Queiroz, R. E., Ventura, M. A., Guerreiro, J. A., & Cunha, R. T. D. (2014). Carrying capacity of hiking trails in Natura 2000 sites: A case study from North Atlantic Islands (Azores, Portugal). *Journal of Integrated Coastal Zone Management*, 14(2), 233-242.
- Tran, N., Nguyen, T. L., Nguyen, D. T., Dang, M., & Dinh, X. T. (2007). Tourism carrying capacity assessment for Phong Nha – Ke Bang and Dong Hoi, Quang Binh Province. *VNU Journal of Science, Earth Sciences*, 23, 80-87.

- Tribe, J., Font, X., Grittis, N., Vickery, R., & Yale, K. (2000). *Environmental management for rural tourism and recreation*. Cassell, London.
- Vo, Q. (2008). *Ban ve tinh toan suc chua cho du lich quoc gia Ho Nui Coc Thai Nguyen [Discussing capacity calculation for national tourist area Nui Coc Lake Thai Nguyen]*. Institute of Tourism Development Research Vietnam.
- UNEP/PAP. (1997). *Guidelines for carrying capacity assessment for tourism in Mediterranean coastal areas*, Turkey: Priority Actions Programme Regional Activity Centre, Split.
- WTO. (1981). *Proceedings of the Workshop on Resort planning and Development, Baguio city, Philippines*. WRP/info Note 4. WTO commission for East Asia and the Pacific.
- WTO. (2005). *Tourism's Potential as a Sustainable Development Strategy*. World Tourism Organization, Madrid, Spain, 156 pp.

**TOURISM CARRYING CAPACITY OF BEACHES IN DONG HOI CITY,
QUANG BINH PROVINCE**

Duong Thi Thuy^{1*}, Nguyen Thi Ha Thanh¹, Truong Quang Hai²

¹University of Science, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam

²Institute of Vietnamese Studies and Development Science, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam

*Corresponding author: Duong Thi Thuy – Email: duongthithuy@hus.edu.vn

Received: July 20, 2022; Revised: November 02, 2022; Accepted: November 22, 2022

ABSTRACT

Quang Binh is a beautiful destination for tourists as either Phong Nha – Ke Bang national park – the UNESCO world heritage site, gorgeous scenes of mountains and forests, unique cultural-historical values, or the best white sandy beaches that are located in Dong Hoi city. The number of domestic and foreign tourists visiting Quang Binh, in general, and Dong Hoi city, in particular, has been impressively increasing due to the recent efforts in tourism promotion of local governments and tourism agencies. However, this also creates significant pressure on natural resources and the environment, including coastal beaches. This study applies a method to calculate the tourism carrying capacity (TCC) to determine the physical carrying capacity (PCC), real carrying capacity (RCC), and effective carrying capacity (ECC) of three central beaches: Nhat Le, Bao Ninh, and Quang Phu in Dong Hoi city. The results prove that the PCC of all these beaches is 165,200 passengers/day, RCC is 56,032 passengers/day, and ECC is 34,107 visitors/day. Besides, it is indicated that the tourism carrying capacity of each beach is divergent. These research results can be used for more effective tourism planning and management in coastal cities.

Keywords: beach; Dong Hoi city; Tourism carrying capacity (TCC)